

GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA VIỆT NAM - VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

★ TS PHÙNG THỊ AN NA

*Viện Lãnh đạo học và Chính sách công,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** Trên cơ sở số liệu được thu thập từ báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương công bố và dữ liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu biến đổi khí hậu quốc gia, bài viết phân tích hiện trạng về cơ chế chính sách, pháp luật và một số kết quả đạt được trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu trong những năm gần đây. Trên cơ sở đó, bài viết xác định những khó khăn và thuận lợi, cũng như đưa ra một số kiến nghị góp phần cải thiện hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.
- **Từ khóa:** Biến đổi khí hậu; chính sách ứng phó biến đổi khí hậu.

Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu là vấn đề của sự phát triển toàn cầu, đòi hỏi phải có sự chung tay giải quyết của mọi quốc gia trên thế giới. Do vậy, những nỗ lực triển khai thực thi chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam thường gắn với những cam kết toàn cầu về biến đổi khí hậu. Từ năm 1995, Việt Nam là một bên tham gia đầy đủ các Hội nghị Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (COP) được tổ chức thường niên trong khuôn khổ Công ước khung Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC). Mặc dù là nước đang phát triển nhưng Việt Nam đã thể hiện nỗ lực và trách nhiệm chung toàn cầu trong ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua việc ký kết nhiều cam kết, như: Nghị định thư Kyoto tại

COP-3 (1997), Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tại COP-21 (2015) và cam kết phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 tại COP-26 (2021).

Nhằm triển khai các cam kết chung toàn cầu về biến đổi khí hậu, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong nghiên cứu, xây dựng, ban hành và thực thi chính sách về ứng phó với biến đổi khí hậu. Các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu bắt đầu được quan tâm hơn và có những chuyển biến rõ nét, nhất là từ năm 2008, được đánh dấu bởi việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu⁽¹⁾. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tập trung tổng hợp và phân tích về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biến đổi khí hậu trong những năm



Trồng rừng ngập mặn bảo vệ môi trường _ Ảnh: tuoitre.vn

qua. Trong đó, số liệu được thu thập chủ yếu là các văn bản pháp luật, các báo cáo được các Bộ, ngành và địa phương công bố, số liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu biến đổi khí hậu quốc gia tại: <http://csdl.dcc.gov.vn/>; giai đoạn phân tích chủ yếu là từ năm 2010 trở lại đây.

1. Thực tiễn triển khai các giải pháp chính sách về biến đổi khí hậu

(1) Chủ trương, chính sách về ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam

Một là, định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu lần đầu tiên được ban hành trong Nghị quyết của Đảng tại Nghị quyết số 24/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ban Chấp

hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết như: Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/02/2020 về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 23/8/2019 tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về đẩy mạnh chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Nghị quyết số 36-NQ/TW khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư ngày 25/9/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Chỉ

thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 24/3/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Hai là, cụ thể hóa đường lối và chủ trương của Đảng trong xây dựng và ban hành các Luật có lồng ghép vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong những năm qua, Quốc hội thông qua một số Luật có lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu như: Luật Bảo vệ và phát triển rừng (2004), Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2010), Luật Tài nguyên nước (2012), Luật Phòng, chống thiên tai (2013), Luật Bảo vệ môi trường (2014, 2020), Luật Khí tượng Thủy văn (2015), Luật Quy hoạch (2017). Trong đó, vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu được quy định rõ ràng nhất trong Luật Bảo vệ môi trường (2014, 2020), với 01 Chương quy định về vấn đề này. Năm 2023, vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu đã được lồng ghép vào quy hoạch tổng thể quốc gia tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ba là, thực hiện chủ trương của Đảng và các quy định pháp luật, Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chiến lược liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu.

- *Nghị quyết về ứng phó với biến đổi khí hậu:* Nghị quyết số 08/NQ-CP của Chính phủ ngày 23/01/2014 về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW; Nghị quyết số 06/NQ-CP của Chính phủ ngày 21/01/2021 về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW; Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2018 về công tác phòng, chống thiên tai; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền

vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu:* Chính phủ đã ban hành và triển khai thực hiện các chiến lược về biến đổi khí hậu, gồm: (i) Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; (ii) Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Bên cạnh đó, ứng phó với biến đổi khí hậu cũng được lồng ghép vào một số chiến lược, như: (i) Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; (ii) Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iii) Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050...

- *Kế hoạch về ứng phó với biến đổi khí hậu:* Chính phủ đã ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, gồm: (i) Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020; (ii) Quyết định số 1055/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 20/7/2020 về ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iii) Quyết định số 2053/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 28/10/2016 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; tính đến năm 2023,

hầu hết các địa phương và Bộ, ngành đã ban hành “Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050”.

- *Chương trình và đề án về ứng phó với biến đổi khí hậu*: Một số chương trình, đề án quan trọng về ứng phó với biến đổi khí hậu đã được triển khai, như: (i) Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; (ii) Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 30/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2015; (iii) Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

(iv) Quyết định số 1824/QĐ-TTg ngày 08/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt văn kiện sửa đổi Khung Chương trình Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC); (v) Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu...

Như vậy, có thể thấy rằng, có sự thống nhất trong định hướng và chủ trương của Đảng đến triển khai thực hiện các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tính từ mốc tham gia Nghị định thư Kyoto (1995) đến nay, Việt Nam đã triển khai thực

hiện nhiều chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về biến đổi khí hậu. Nhìn chung, có thể phân định thành các giai đoạn như sau:

Giai đoạn trước năm 2021: Việt Nam đã thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu, 01 chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, 01 kế hoạch quốc gia về biến đổi khí hậu, nhiều chương trình, dự án và nhiệm vụ các cấp. Trong đó, trọng tâm của giai đoạn này là đầu tư về các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua đầu tư hệ thống giám sát và

cảnh báo thiên tai, cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, hoàn thiện thể chế và chính sách. Trong giai đoạn này, vấn đề giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh cũng bắt đầu được quan tâm thông qua việc tham gia thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, hiệu quả

đạt được là chưa rõ ràng, thậm chí, phát thải khí nhà kính ở Việt Nam liên tục tăng trong những năm qua⁽²⁾.

Giai đoạn sau năm 2021: Giai đoạn này được đánh dấu bằng cam kết chính trị mạnh mẽ của Việt Nam là giảm 30% phát thải khí mê-tan vào năm 2030 so với năm 2050 và đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050⁽³⁾.

2. Một số kết quả triển khai thực hiện chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam

(1) Giai đoạn 2010 - 2021

Giai đoạn này, chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu chủ yếu tập trung vào các giải pháp thích ứng, được triển khai thông qua các chương trình mục tiêu, chiến lược và kế hoạch quốc gia

Có thể thấy rằng, có sự thống nhất trong định hướng và chủ trương của Đảng đến triển khai thực hiện các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tính từ mốc tham gia Nghị định thư Kyoto (1995) đến nay, Việt Nam đã triển khai thực hiện nhiều chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về biến đổi khí hậu.

về biến đổi khí hậu, cũng như lồng ghép vào các chương trình và nhiệm vụ của các Bộ, ngành và địa phương. Cụ thể, một số kết quả chính đã đạt được gồm:

Một là, chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu. Trong những năm qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phát triển mạng lưới trạm quan trắc và hệ thống cảnh báo, dự báo theo hướng tự động hoá, hiện đại và tiệm cận công nghệ tiên tiến trên thế giới⁽⁴⁾. Tính đến hết năm 2022, mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn quốc gia có 1640 trạm; có 1146/1640 trạm tự động (chiếm khoảng 69,9%). Các bản tin dự báo khí tượng thủy văn đã được cải tiến chất lượng rõ nét; độ chính xác của bản tin dự báo: 75% đối với dự báo 2-3 ngày, 80-90% đối với bản tin không khí lạnh, 70-80% đối với bản tin lũ, 70% đối với bản tin nắng nóng. Ngoài ra, hệ thống quan trắc và cảnh báo sóng thần, động đất cũng đã được lắp đặt, với khoảng trên 500 điểm quan trắc trên cả nước⁽⁵⁾.

Hai là, ứng phó tích cực với nước biển dâng phù hợp với các vùng dễ bị tổn thương. Các chính sách đã triển khai tập trung vào: (i) đánh giá tác động và tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; (ii) lồng ghép biến đổi khí hậu vào các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch ngành, địa phương; phát triển vùng biển và hải đảo ứng phó với biến đổi khí hậu; (iii) phát triển hạ tầng và khu dân cư ứng phó với biến đổi khí hậu; và (iv) chống xâm nhập mặn và các công trình đa mục tiêu⁽⁶⁾. Chính phủ đã triển khai nhiều dự án xây dựng mới và cải tạo hệ thống đê sông và đê biển ở các vùng chịu nhiều rủi ro do thiên tai⁽⁷⁾.

Ba là, bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học. Chính phủ đã triển khai 07 nhóm giải pháp, tập trung vào các vấn đề như: trồng rừng,

phát triển kinh tế rừng và quản lý rừng; bảo tồn đa dạng sinh học, sinh thái, bảo tồn gen; triển khai các chương trình bảo vệ và quản lý rừng toàn diện; phát triển các mô hình đô thị xanh và khu dân cư xanh; huy động đa dạng các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng; giám sát và cảnh báo cháy rừng⁽⁸⁾.

Bốn là, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. Các hoạt động đã triển khai tập trung vào: (i) phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; (ii) sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng.

Năm là, tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Các chính sách liên quan đến tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước tập trung vào các khía cạnh: (i) điều chỉnh, lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; (ii) hoàn thiện và tăng cường thể chế. Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 09/01/2012⁽⁹⁾.

Sáu là, xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Các hoạt động đã triển khai tập trung vào: (i) phát triển cộng đồng ứng phó với biến đổi khí hậu; (ii) chú trọng hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng; và (iii) nâng cao nhận thức, giáo dục và đào tạo⁽¹⁰⁾. Chính phủ đã tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, với phương châm “ứng phó tại chỗ”, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các cấp chính quyền trong nhiệm vụ này; thí điểm, nhân rộng một số mô hình sinh kế, đa dạng hoá sinh kế theo hướng các-bon thấp; chú trọng áp dụng kiến thức bản địa trong ứng phó với biến đổi khí hậu⁽¹¹⁾.

Bảy là, phát triển khoa học - công nghệ tiên tiến trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện các

Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước, như “Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 - 2015” và “Chương trình khoa học, công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020”⁽¹²⁾. Ngoài ra, các Bộ, ngành và địa phương cũng đã lồng ghép các nghiên cứu khoa học và công nghệ vào các Chương trình khoa học và công nghệ các cấp.

Tám là, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trong các vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong những năm qua, các chính sách hợp tác quốc tế được xem là điểm nhấn trong công tác ứng phó với biến đổi khí

hậu. Việt Nam đã tích cực trong thực hiện các cam kết và các điều ước quốc tế, như: Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, cam kết giảm 30% phát thải khí mê-tan vào năm 2030 so với năm 2020 và đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Việt Nam đã trình Báo cáo quốc gia tự quyết định (NDC) lên UNFCCC vào năm 2020 và cập nhật vào năm 2022.

Chín là, đa dạng hóa các nguồn lực tài chính và tập trung đầu tư có hiệu quả. Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu là một quá trình lâu dài và tốn kém, do đó, nhiều chính sách về huy động các nguồn lực đầu tư cho biến đổi khí hậu đã được triển khai. Số liệu thống kê cho thấy, đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2016 - 2021 được phân bổ tương đối đồng đều qua các năm⁽¹³⁾.

(2) Giai đoạn từ năm 2021 trở đi

Năm 2021, Việt Nam cam kết thực hiện giảm 30% phát thải khí mê-tan vào năm 2030 so với năm 2020 và đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 tại COP-26, hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu bắt đầu sang một giai đoạn mới với định hướng cơ bản là phát triển các-bon thấp và tăng trưởng xanh. Kể từ COP-26 đến nay, Chính phủ tập trung vào triển khai thực hiện xây dựng cơ chế chính xác và xác định nhiệm vụ để

đạt được các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu. Cụ thể, các kết quả đã đạt được tính đến nay:

- Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26 các bên tham gia Công ước

khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

- Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

Năm 2022, Chính phủ đã cập nhật Báo cáo quốc gia tự quyết định và trình Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Trong đó, Báo cáo quốc gia tự quyết định (2022) đã bổ sung những cam kết và giải pháp của Việt Nam nhằm hướng tới giảm 30% phát thải khí mê-tan vào năm 2030 và đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Bên cạnh đó, chiến lược, kế hoạch và quy hoạch của các Bộ, ngành và địa phương cũng đã cập nhật việc lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu theo chỉ đạo chung của Chính phủ.

Ưu tiên chính sách về ứng phó với biến đổi khí hậu tập trung vào một số điểm sau: (i) Chủ

động thích ứng với biến đổi khí hậu; (ii) Giảm phát thải khí nhà kính; (iii) Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Trong đó, các quan điểm chủ đạo của Đảng và Nhà nước gồm: thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0”; ứng phó với biến đổi khí hậu với cách tiếp cận toàn cầu và toàn dân, công lý và công bằng, đổi mới và sáng tạo; đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị với các chủ thể Nhà nước, doanh nghiệp và người dân; các giải pháp hướng tới giảm mức độ dễ bị tổn thương, tăng cường sức chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu giảm mức độ dễ bị tổn thương, tăng cường sức chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu, bảo đảm an toàn cho người dân; huy động và phát huy các nguồn lực trong nước và quốc tế cho hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Một số khuyến nghị chính sách

(1) Thuận lợi và khó khăn trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Về thuận lợi:

Một là, Việt Nam có nhiều kinh nghiệm ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu trong lịch sử phát triển. Trong lịch sử dân tộc, người Việt Nam đã sớm hình thành kinh nghiệm và kiến thức ứng phó (sống chung) với thiên tai để tồn tại và phát triển.

Hai là, sự tham gia có trách nhiệm của hệ thống chính trị, sự quan tâm của doanh nghiệp, tổ chức xã hội, người dân và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế. Những thành công trong ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam là nhờ nhận được sự quan tâm và định hướng chung của Đảng và Nhà nước, cũng như sự tham gia của mọi nguồn lực xã hội ở trong nước và quốc tế. Việt Nam đã xây dựng được nền tảng và tiền đề về sự tham gia của các bên liên quan.

Ba là, tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về biến đổi khí hậu được hình thành và từng bước kiện toàn; sự phối hợp của các cơ quan Trung ương, địa phương và các bên liên quan ngày càng nhịp nhàng và gắn bó. Bộ máy quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu đã được xây dựng, duy trì và hoạt động hiệu quả trong những năm qua. Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu đã thực hiện tốt vai trò tư vấn cho Chính phủ.

Bốn là, hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế chính sách về biến đổi khí hậu được quan tâm xây dựng, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

Năm là, hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu được đẩy mạnh và đạt được nhiều thành tựu. Mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu ngày càng được tự động hóa và đầy đủ về số lượng; cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu được đầu tư lớn.

Sáu là, công tác giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được quan tâm và Chính phủ đã có cam kết chính trị mạnh mẽ về giảm phát thải khí nhà kính tại COP-26.

Bảy là, huy động được nguồn lực đa dạng cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Chất lượng nguồn nhân lực về biến đổi khí hậu không ngừng được cải thiện, đặc biệt là ở cấp Trung ương với sự bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo ở trong và ngoài nước.

Tám là, hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu được mở rộng, ngoại giao biến đổi khí hậu được coi trọng. Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Việt Nam có quan hệ hợp tác song phương và đa phương với 77 quốc gia và vùng lãnh thổ, với các tổ chức quốc tế, với 63 diễn đàn quốc tế về tài nguyên môi trường⁽¹⁴⁾.

Chín là, nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp về biến đổi khí hậu được nâng cao. Trong những năm qua, vấn đề biến đổi khí hậu

đã được tuyên truyền phổ biến tới doanh nghiệp và người dân.

Về khó khăn, thách thức:

Thứ nhất, thách thức đến từ bản chất của biến đổi khí hậu. Bản chất của biến đổi khí hậu là sự thay đổi dần dần của hệ thống khí hậu trong thời gian dài hàng thập kỷ đến thế kỷ, do tác động của con người làm gia tăng tích lũy khí nhà kính trong bầu khí quyển.

Thứ hai, Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho thấy, biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh và được dự báo tiếp tục diễn ra nhanh, phức tạp hơn trong thế kỷ 21; các hiện tượng thiên nhiên cực đoan về cường độ và tần suất, cũng như tính chất phức tạp và trái quy luật, gây hậu quả nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất, môi trường sau thiên tai, thiệt hại về kinh tế cũng như tính mạng con người ngày càng gia tăng⁽¹⁵⁾.

Thứ ba, thách thức trong việc thực hiện các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện các cam kết quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu. Mục tiêu giảm 30% phát thải khí mê-tan vào năm 2030 và đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 là một thách thức rất lớn đối với mọi quốc gia và Việt Nam. Để đạt được các mục tiêu này, cần phải có những chuyển biến rõ ràng và không thể trì hoãn về giảm phát thải khí nhà kính. Tuy nhiên, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính có thể mâu thuẫn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Thứ tư, thách thức trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu. Hiện nay, hệ thống cơ sở hạ

tầng, công trình phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu còn lạc hậu, năng lực dự báo còn hạn chế đối với thiên tai và thiên tai ngày càng thất thường. Do vậy, thiệt hại do thiên tai vẫn diễn ra nghiêm trọng trong những năm qua và là thách thức rất lớn trong bối cảnh biến đổi khí hậu của thế kỷ 21.

Thứ năm, nguồn lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu đòi hỏi phải có nguồn lực rất lớn (nhân lực, tài chính và khoa học công nghệ). Đặc biệt, trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 với nhiều mục tiêu và nhiệm vụ tham vọng hơn, nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu càng phải lớn hơn.

Thứ sáu, Việt Nam chưa xây dựng dự án Luật Biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu là lĩnh vực có tính phức tạp, liên ngành, hơn nữa Việt Nam đã tham gia sâu rộng luật pháp quốc tế về biến đổi khí hậu thông qua các cam kết quốc tế, do vậy, việc chưa ban hành được luật riêng về biến đổi khí hậu cũng là một thách thức đối với công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

(2) Khuyến nghị chính sách

Từ bối cảnh hiện nay có thể thấy:

Trải qua nhiều năm kinh nghiệm ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã xây dựng được nền tảng cơ bản về cơ chế chính sách, pháp luật và cơ sở hạ tầng, cũng như thu hút sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong ứng phó với biến đổi khí hậu;

Việt Nam đã có những cam kết chính trị mạnh mẽ về ứng phó với biến đổi khí hậu và bước đầu

Trải qua nhiều năm kinh nghiệm ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã xây dựng được nền tảng cơ bản về cơ chế chính sách, pháp luật và cơ sở hạ tầng, cũng như thu hút sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

xây dựng được một số cơ chế chính sách thông qua ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050, Báo cáo quốc gia tự quyết định (2022) và một số hoạt động khác. Để phát huy nền tảng, kinh nghiệm, khắc phục tồn tại nhằm hướng tới các mục tiêu chung về ứng phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn tiếp theo, một số vấn đề cần quan tâm như sau:

Một là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu cơ bản nhằm làm rõ bản chất và tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là kịch bản biến đổi khí hậu trong thế kỷ 21. Biến đổi khí hậu có tính không chắc chắn cao, đặc biệt là đối với các dự tính biến đổi cho cả thế kỷ 21. Trong khi đó, thông tin biến đổi khí hậu lại là đầu vào cho các hoạt động ứng phó. Do vậy, việc đẩy mạnh nghiên cứu và làm rõ bản chất của biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam cần được tăng cường và cập nhật thường xuyên.

Hai là, sớm hoàn thiện cơ chế chính sách và pháp luật về biến đổi khí hậu. Trong đó, trọng tâm là các vấn đề như: (i) Rà soát và kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước về biến đổi khí hậu từ Trung ương đến địa phương; (ii) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật Biến đổi khí hậu nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai chính sách về ứng phó với biến đổi khí hậu hiệu quả; (iii) Tăng cường công tác nghiên cứu và lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu vào các luật chuyên ngành; chiến lược, kế hoạch và quy hoạch của các Bộ, ngành

và địa phương; (iv) Cơ chế chính sách thu hút nguồn lực, đặc biệt là nhân lực và tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ba là, triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Báo cáo quốc gia tự quyết định (2022) và các nhiệm vụ đã được phê duyệt. Trong đó, cần chú trọng đến việc: (i) Nghiên cứu, xây dựng các kịch bản để đạt được mục tiêu giảm 30% phát thải khí mê-tan vào năm 2030 và phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; (ii) Đồng bộ, thống nhất và tránh chồng chéo các nhiệm vụ từ Trung ương đến địa phương và giữa các Bộ/ ngành; (iii) Triển khai các nhiệm vụ có ưu tiên, trọng tâm và trọng điểm, tiết kiệm và phù hợp với nguồn lực tài chính; (iv) Tăng cường lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu trong các nhiệm vụ của các Bộ/ ngành và địa phương; (v) Triển khai các nhiệm vụ đa mục tiêu, vừa bảo đảm ứng phó với biến đổi khí hậu với các mục tiêu chuyên ngành; (vi) Tăng cường đầu tư các giải pháp công trình thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là đối với các khu vực thường xảy ra thiên tai.

Bốn là, tăng cường hợp tác quốc tế và ngoại giao biến đổi khí hậu nhằm thu hút các nguồn lực.

Năm là, tăng cường công tác giáo dục và phổ biến cộng đồng về ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm cả công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ❖

(1) Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu, đề xuất giải pháp đẩy mạnh thực hiện Chiến lược trong giai đoạn 2021 - 2030*.

(2) Xem tại các tài liệu: (1) Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược*

và Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu, đề xuất giải pháp đẩy mạnh thực hiện Chiến lược trong giai đoạn 2021 - 2030; và (2) Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), *Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC)*, cập nhật năm 2022.

(3) Xem tại các tài liệu: (1) Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050*; và (2) Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*.

(4) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2021), *Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Khí tượng Thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*.

(5) Tổng cục Khí tượng Thủy văn (2022), *Báo cáo Xây dựng Quy hoạch mạng lưới trạm Khí tượng Thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

(6) Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (2023), *Báo cáo giám sát số 1139/BC-UBKHCNMT ngày 11/01/2023 về việc thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu*.

(7) Nguyễn Đăng Mậu, Trần Thực, Trần Văn Minh, Nguyễn Hữu Quyền, Bùi Minh Tuấn (2022), *Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam; những khó khăn thách thức đặt ra và kiến nghị cho việc hoàn thiện chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu*, tuyển tập Hội thảo về “Tình hình ban hành và thực hiện pháp luật ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2021”, Cần Thơ, tháng 12/2022.

(8), (9) Xem tại các tài liệu: (1) Nguyễn Đăng Mậu, Trần Thực, Trần Văn Minh, Nguyễn Hữu Quyền, Bùi Minh Tuấn (2022), *Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam; Những khó khăn thách thức đặt ra và kiến nghị cho việc hoàn thiện chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu*, tuyển tập Hội thảo về “Tình hình ban hành và thực hiện pháp luật ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2021”, Cần Thơ, tháng 12/2022; và (2) Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (2023), *Báo cáo giám sát số 1139/BC-UBKHCNMT ngày 11/01/2023 về việc thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu*.

(10) Cục Biến đổi khí hậu (2023), *Cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu quốc gia*, truy cập tại <http://csdl.dcc.gov.vn/>.

(11), (13), (14) Xem tại các tài liệu: (1) Cục Biến đổi khí hậu (2023), *Cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu quốc gia tại http://csdl.dcc.gov.vn/*; (2) Nguyễn Đăng Mậu, Trần Thực, Trần Văn Minh, Nguyễn Hữu Quyền, Bùi Minh Tuấn (2022), *Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam; những khó khăn thách thức đặt ra và kiến nghị cho việc hoàn thiện chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu*. Tuyển tập Hội thảo về “Tình hình ban hành và thực hiện pháp luật ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2021”, Cần Thơ, tháng 12/2022; và (3) Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (2023), *Báo cáo giám sát số 1139/BC-UBKHCNMT ngày 11/01/2023 về việc thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu*.

(12), (15) Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Kịch bản biến đổi khí hậu*, Nxb. Tài nguyên môi trường và Bản đồ Việt Nam.